

Bản án số:03/2018/KDTM-ST
Ngày: 21/6/ 2018
V/v tranh chấp
kinh doanh thương mại
hợp đồng xây dựng đường điện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Tới
2. Bà Trần Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 06 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2018/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2011 về tranh chấp kinh doanh thương mại hợp đồng xây dựng đường điện theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 29/2018/TBMPT.TA ngày 08/05/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Đ (Tổng Công ty Đ)

Trụ sở chính: Đường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Tr, chức vụ Phó Trưởng phòng TTBVPC Công ty Điện lực An Giang (theo Giấy ủy quyền số 6921/UQ-ĐL2 ngày 24/11/2008 số 2339/UQ-PCAG ngày 07/9/2015).

Bị đơn: Công ty TNHH P (viết tắt Công ty TNHH Thuận Phát).

Trụ sở chính: Số A, đường C, L, phường H, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Tấn Ph, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH P

Người đại diện theo ủy quyền cho Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch X, sinh 1960 (theo giấy ủy quyền lập ngày 24/9/2015 tại Văn phòng Công chứng Nhứt Quang).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty CP S).

Trụ sở chính: Số B, đường N, Phường P, Quận S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn L, chức vụ Ông Giám đốc Công ty PC P, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình hòa giải, giải quyết vụ án Công ty Đ trình bày:

Ngày 28/5/2005, Công ty Đ có ký hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu thi công xây lắp công trình “Cung cấp điện cho khi du lịch Núi Cẩm huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang” theo hợp đồng số 03/ĐL 2/ĐLAG.QLDA.HĐXD với Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng công trình giao thông – Điện – Thương mại Thuận Phát.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 26/12/2005 đến tháng 6/2008 Điện lực An Giang đã ứng tiền quyết toán cho Công ty TNHH xây dựng công trình giao thông – Điện – Thương mại Thuận Phát đợt I là 315.599.253 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín ngàn hai trăm năm mươi ba đồng), chưa tính hệ số giảm giá theo dự toán thầu và giao số vật tư để xây dựng công trình, nhưng do điều kiện khách quan vướng mắc mặt bằng nên Công ty TNHH P không thi công tiếp. Thực tế sau khi quyết toán vào tháng 6/ 2008, theo bản nghiệm thu khối lượng Công ty Công ty TNHH P còn thiếu nợ Công ty Đ số tiền 181.355.454 đồng và thiếu vật tư theo bảng kê.

Công ty Đ đã nhiều lần có văn bản gửi đề nghị bị đơn yêu cầu thanh lý hợp đồng để thanh toán số tiền còn nợ nhưng cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện.

Nay Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Công ty TNHH P thanh toán khoản tiền là 181.355.454 đồng và trả số vật tư mà Công ty Thuận Phát còn thiếu quyết toán theo bảng kê 163.934.000đ, tổng cộng 345.290.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi chậm trả.

Tại bản trình bày ý kiến phản tố và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn trình bày:

Sau khi Công ty TNHH P (viết tắt Công ty Thuận Phát) ký hợp đồng với Công ty Đ An Giang và khởi công phóng tuyến thì phát hiện có hai trái mìn nên có báo và công binh lên rà mìn, nên tháng 10/2005 mới bắt đầu khởi công. Sau khi thi công được 73 ngày thì tháng 01/2006 bị cấm không cho xe vào lý do nổ mìn để làm đường. Việc này Công ty Thuận Phát có điện thoại báo cho Điện lực 2 và yêu cầu được trả lại vật tư nhưng không được phía Điện lực chấp nhận.

Ngày 06/01/2006 Công ty Thuận Phát có gửi văn bản đến Điện lực.

Tháng 6/2006 nhận được Thông báo của Điện lực yêu cầu tiếp tục thi công nhưng trên núi lại yêu cầu di dời trụ điện trên công trình mà lại không cho xe lên, nên Công ty Thuận Phát phải đưa tiền cho đơn vị thi công để di dời. Ngày 08/6/2006 nhận Công văn của UBND tỉnh An Giang yêu cầu Điện lực phải di dời trụ điện.

Ngày 17/5/2007 tại biên bản làm việc, Công ty Pkhông tiếp tục thi công công trình nữa. Lý do thời gian ngưng thi công quá dài, giá vật tư và giá nhân công tăng cao và phải trả tiền lương cho công nhân phải chờ để nhận thi công lại.

Tại buổi làm việc Công ty Pcó yêu cầu Công ty Điện lực phải chịu nhưng không được chấp nhận, nên Công ty Pyêu cầu thanh lý hợp đồng.

Ngày 02/4/2008 Công ty Pcó biên bản nghiệm thu khối lượng vật tư và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, nhưng do sơ suất không đề cập trách nhiệm đối với vật tư thất thoát.

Về khối lượng vật tư bàn giao giữa Công ty Pvà Công ty Tân Hiệp phúc, Công ty Pcó cử ông Huỳnh Tấn Phú – tìm kiếm vật tư đã bỏ rải rác rồi cùng lập biên bản ngày 14/9/2007. Căn cứ vào biên bản quyết toán đợt I thì vật tư công ty nhận, trừ đi phần đã thực hiện thì số còn lại nằm trong kho và một số nằm rải rác dọc theo tuyến thi công, khi có lệnh ngưng thi công Công ty Pkhông kịp thu hồi được vì sợ tai nạn cho công nhân.

Công ty Pchỉ chấp nhận hoàn trả cho Công ty Điện lực số tiền 39.781.000 đồng theo như biên bản ngày 18/8/2015. Đối với phần vật tư thất thoát Công ty Pkhông chịu trách nhiệm bởi vì không có chức năng bảo quản khi công trình ngưng thi công và không biết lý do. Vì khi thi công, chủ đầu tư phải bàn giao mặt bằng sạch cho Công ty Pthi công. Ngoài ra, Công ty Pyêu cầu tính lại giá nhân công và vận chuyển.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Công ty CP S) không triệu tập được nên không có lời khai. Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ, thì Công ty cổ phần năng lượng Sơn phú đã có ký hợp đồng nguyên tắc ngày 04/9/2007 về việc thi công xây dựng công trình với Điện lực An Giang và đã hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký, quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong. Ngày 22/11/2017 Công ty Công ty cổ phần đầu tư Tân Hiệp Phúc trình bày việc bàn giao vật tư thiết bị với Công ty Đ đã có ghi nhận cụ thể, do đó không tham gia hòa giải và xin vắng mặt khi xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật:

Toà án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của các đương sự trong vụ án. Quá trình hòa giải, công bố chứng cứ đầy đủ thủ tục. Phiên toà diễn ra đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên toà. Thành phần Hội đồng xét xử đúng thành phần theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thư ký phiên tòa ghi chép đầy đủ diễn biến phiên tòa, tuy nhiên còn để án quá hồ sơ luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận một phần, công nhận sự thỏa thuận 181.355.000 đồng, về yêu cầu bồi thường thất thoát vật tư, chấp nhận 81.500.000 đồng..

Do Bị đơn rút lại yêu cầu khởi kiện phản tố nên đề nghị đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công trình đường lên Núi Cẩm được triển khai thi công theo Quyết định trúng thầu số 3496/QĐ-UBND ngày 28/12/2005 của UBND tỉnh An Giang. Tuy nhiên, Công ty Đ và Công ty TNHH Thuận Phát ký kết hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc tự thương lượng thỏa thuận, quyền và nghĩa vụ của các bên ràng buộc bằng các điều khoản trong hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng do việc giải phóng mặt bằng chậm và việc di dời trụ diện nằm ngoài dự án đường lên Núi Cẩm. Chính vì vậy, xét thấy UBND tỉnh An Giang, Ban quản lý dự án ĐTXD tỉnh An Giang không có liên quan trong vụ án nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng.

Trong hợp đồng có thỏa thuận Tòa kinh tế TAND tỉnh An Giang giải quyết nếu có phát sinh tranh chấp. Do thời điểm trước đây Bộ luật Tố tụng Dân sự có quy định thẩm quyền cho TAND cấp huyện xét xử án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng xây dựng, nên TAND tỉnh An Giang có quyết định chuyển vụ án về cho TAND huyện Tịnh Biên xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Công ty CP S) đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Việc ký kết hợp đồng kinh tế số 03 ngày 28/2/2005 đều được các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng có lập biên bản quyết toán nghiệm thu và được Tòa án thừa nhận, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 26/12/2005 đến tháng 6/2008 Điện lực 2 đã ứng tiền quyết toán cho Công ty TNHH Thuận Phát đợt I là 315.599.253 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm chín mươi chín ngày hai trăm năm mươi ba đồng), Ngày 02/4/2008 Công ty P có biên bản nghiệm thu khối lượng vật tư và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, nhưng do sơ suất không đề cập trách nhiệm đối với vật tư thất thoát. Việc Điện lực 2 yêu cầu Công ty TNHH Thuận Phát trả lại số tiền chênh lệch là 181.355.000 đồng thì Công ty P đồng ý hoàn trả lại nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với khoản vật tư thiết bị, Công ty Đ đưa ra yêu cầu khởi kiện và nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn, nhưng bị đơn không chứng minh được, do đó Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chấp nhận số vật tư nguyên đơn cung cấp và trị giá thành tiền là 163.934.000 đồng. Tuy nhiên yêu cầu này Bị đơn Công ty P không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ tại Điều 5 Hợp đồng kinh tế số 03 các bên đương sự có ràng buộc quyền và nghĩa vụ trong việc tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển vật tư. Theo như hợp đồng thể hiện thì bên B (Công ty TNHH Thuận Phát) có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, vận chuyển và chuẩn bị kho bãi bảo quản vật tư thiết bị do bên A (Điện lực An Giang) cấp để lắp đặt công trình. Tại Điều 6 của Hợp đồng kinh tế số 03 cũng ghi nhận khi vật tư A sử dụng cấp thừa bên B chịu trách nhiệm vận chuyển trả lại cho A, địa điểm bàn giao vật tư thiết bị tại Vàm Cống, Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, An Giang là kho của Điện lực An Giang.

Nếu căn cứ sự thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 03 thì lỗi không bảo quản và chuyển trả vật tư là của Công ty Thuận Phát, Công ty P phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Đ.

Tuy nhiên, lẽ ra, khi Công ty P và Công ty Đ, đại diện ủy quyền là Công ty Điện lực An Giang có biên bản nghiệm thu khối lượng vật tư và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình thì tính toán luôn phần vật tư còn thừa, còn thiếu để thống nhất trong biên bản thì mới có căn cứ rõ ràng xác định trách nhiệm bồi thường. Sau đó, thì Công ty Đ cũng có biên bản thống kê vật tư và bàn giao qua cho Công ty Tân Hiệp phúc thì công phần khối lượng công trình còn lại, trong đó có số vật tư thiết bị mà Công ty P còn để lại tại hiện trường, tuy nhiên trong biên bản có một số vật tư thì Công ty P có ý kiến cần kiểm tra lại, nhưng từ đó về sau hai bên đương sự cũng không gặp gỡ thương lượng thống nhất về số vật tư thiết bị. Qua đối chất, hai bên Công ty đều cung cấp số vật tư thiết bị nhưng có sự chênh lệch với nhau, không thống nhất về số lượng ban đầu.

Mặt khác, cũng cần xem xét nguyên nhân dẫn đến vi phạm lỗi của Công ty P có một phần là do khách quan liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng chậm hơn 5 tháng. Đồng thời trong khoảng thời gian này, có chủ trương của Nhà nước

là tạm đóng cửa đường lên Núi Cẩm dẫn đến những thiệt hại về nguyên vật liệu, thiết bị vật tư, chi phí trả nhân công, chi phí vận chuyển, chuyên chở và một số khoản chi phí khác mà Công ty P phải tự chịu do không đảm bảo tiến độ thi công đúng thời hạn. Những tình tiết, sự kiện này, phía Công ty Đ đều biết và thừa nhận sự kiện khách quan tác động đến làm cho Công ty P cũng chịu thất thoát như trên.

Căn cứ Điều 294 Luật Thương mại 2005 có quy định bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng. Tuy nhiên bên vi phạm phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và hậu quả có thể xảy ra, nếu không thông báo thì phải bồi thường thiệt hại. Trong vụ án này, các bên đương sự có các văn bản và ngày đàm phán cuối cùng vào ngày lập biên bản quyết toán, nghiệm thu công trình, nhưng biên bản kiểm kê vật tư chưa rõ ràng, thông nhất, từ đó dẫn đến việc bỏ phế vật tư thiết bị tràn lan, vừa lãng phí thiệt hại, vừa làm thất thoát, lỗi này hoàn toàn thuộc về hai bên đương sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng nếu buộc Công ty P trả toàn bộ số tiền thất thoát vật tư thiết bị 163.934.000 đồng là chưa đảm bảo về quyền lợi cho Công ty Thuận Phát, mà nghĩ nên chỉ buộc Công ty P trả $\frac{1}{2}$ số tiền vật tư thiết bị 163.934.000 đồng, và Công ty Đ phải chịu 50% tổn thất là có cơ sở và phù hợp với thực tế cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[3.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tự nguyện rút yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

[3.4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty CP S) thì Tòa án xét thấy làm rõ một số tình tiết, nội dung vụ án do đó mới đưa vào tham gia tố tụng, và Công ty cổ phần đầu tư Tân Hiệp Phúc không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì trong vụ án này, do đó không xem xét đề cập giải quyết.

[4] Về án phí dân sự:

Công ty Đ được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên Công ty TNHH Thuận Phát phải chịu án phí phần được chấp nhận, phần yêu cầu của Công ty Đ không được chấp nhận (163.934.000 đồng: 2 = 81.500.000 đồng) thì Công ty Đ phải chịu án phí.

Công ty TNHH P phải chịu án phí 13.142.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phản tố đã nộp là 7.900.000 đồng theo Biên lai thu số TU/2014 0006059 ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên, Công ty TNHH P còn phải nộp thêm số tiền án phí là 5.242.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 138, Điều 146 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 292, 294, 295, 297, 314 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Đ số tiền 262.855.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của Công ty Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH P trả lãi suất chậm trả.

Đình chỉ yêu cầu phân tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng công trình giao thông – Điện – Thương mại Thuận Phát.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% /năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty Đ phải chịu án phí 4.075.000 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.100.000 đồng theo Biên lai thu 011886 ngày 28/5/2009 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên, hoàn trả lại Công ty Điện lực 2 số tiền án phí là 25.000 đồng (Hai mươi lăm ngàn đồng).

Công ty TNHH P phải chịu án phí 13.142.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phân tố đã nộp là 7.900.000 đồng theo Biên lai thu số TU/2014 0006059 ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên, Công ty TNHH P còn phải nộp thêm số tiền án phí là 5.242.000 đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà

